

PHỤ LỤC II:
DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI ĐỐI TƯỢNG HỖ TRỢ, MỨC ĐỘ THIẾT HẠI, ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ DỰ KIẾN
ĐỐI VỚI LÂM NGHIỆP BỊ THIẾT HẠI DO BÃO SỐ 5, SỐ 10 NĂM 2025 CÁC HỘ DÂN THÔN HOA THẮNG

DVT: Triệu đồng

TT	Họ và tên chủ hộ	Thiệt hại trên 70%						Thiệt hại từ 30% đến 70%						Tổng kinh phí hỗ trợ (Triệu đồng)
		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác (ha)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi (ha)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác (ha)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi (ha)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	
A	B	1	2	0	4	5	6=4*5	7	8	9=7*8	10	11	12=10*11	13=3+6+9+12
1	Đặng Văn Nguyên	0	8	0	1.2	15	18.0	0	4	0		7.5	0	18.00
2	Nguyễn Văn Sơn	0	8	0	1.18	15	17.7	0	4	0		7.5	0	17.70
3	Đặng Văn Quyết	2	8	16	3	15	45.0	0	4	0		7.5	0	61.00
4	Đào Văn Hà	0.11	8	0.88	0	15	0.0	0	4	0		7.5	0	0.88
5	Thái Văn Thuận	0.2	8	1.6	0	15	0.0	0	4	0		7.5	0	1.60
6	Nguyễn Viết Phụng	0	8	0	5.6	15	84.0	0	4	0		7.5	0	84.00
7	Lê Văn Minh	0.8199	8	6.5592	0	15	0.0	0	4	0		7.5	0	6.56
8	Nguyễn Thị Thiên Hương	0.3976	8	3.1808	0	15	0.0	0	4	0		7.5	0	3.18
9	Đào Văn Quỳnh	0	8	0	10	15	150.0	0	4	0		7.5	0	150.00
10	Thiều Trọng Tài	0	8	0	0	15	0.0	0.3	4	1.2		7.5	0	1.20
11	Doãn Văn Tám	0	8	0	1	15	15.0	0	4	0		7.5	0	15.00
12	Đặng Hải Dương	0	8	0	0	15	0.0	2	4	8		7.5	0	8.00
13	Thái Văn Ninh	0	8	0	0	15	0.0	0.3	4	1.2		7.5	0	1.20
14	Đào Văn Xuân	2	8	16	0	15	0.0	0	4	0		7.5	0	16.00
15	Đào Thị Huệ	0	8	0	1.1	15	16.5	0	4	0		7.5	0	16.50
16	Đào Anh Tâm	1.83	8	14.64	0	15	0.0	0	4	0		7.5	0	14.64
17	Nguyễn Minh Đức	1.4	8	11.2	0	15	0.0	0	4	0		7.5	0	11.20
18	Nguyễn Minh Thông	1.45	8	11.6	0.65	15	9.8	0	4	0		7.5	0	21.35
19	Thái Thị Sen	0	8	0	0.9	15	13.5	0	4	0		7.5	0	13.50
20	Nguyễn Văn Hàn	0	8	0	5	15	75.0	0	4	0		7.5	0	75.00
21	Nguyễn Văn Hiếu	0	8	0	5.2	15	78.0	0	4	0		8.5	0	78.00

22	Đặng Hải Bắc	0.47	8	3.76	0	15	0.0	0	4	0		7.5	0	3.76
23	Nguyễn Văn Cảnh	0.45	8	3.6	0	15	0.0	0	4	0		7.5	0	3.60
24	Nguyễn Văn Quý	0	8	0	0	15	0.0	0.22	4	0.88		7.5	0	0.88
25	Nguyễn Minh Tuấn	0	8	0	0	15	0.0	0.85	4	3.4		7.5	0	3.40
26	Đào Đình Điệp	0	8	0	0	15	0.0	1.5	4	6		7.5	0	6.00
27	Đào Thị Oanh	0	8	0	0	15	0.0	0.86	4	3.44		7.5	0	3.44
28	Thái Hữu Thìn	0	8	0	0	15	0.0	0.2722	4	1.0888		7.5	0	1.09
	Tổng	12.1275			38.8			13.3022						636.68